

Bản án số: 49/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 14/6/2022
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Minh Toàn

Bà: Đinh Thị Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/02/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Th Th K Ch, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn T Ph, xã Tr H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh C X M, sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT: Thôn T Ph, xã Tr H, huyện M H, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và bản tự khai ngày 15/4/2022 của nguyên đơn Th Th K Ch trình bày giữa chị và anh C X M đã đăng ký kết hôn ngày

04/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Ch làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th B, sinh ngày 29/10/2012 và cháu C Th Gi H, sinh ngày 19/4/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị Ch là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn cháu B giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 của anh C X M trình bày: Quá trình tìm hiểu đề đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị Ch. Anh M không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, nguyện vọng của anh M là mong muốn vợ chồng quay lại chung sống để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th B, sinh ngày 29/10/2012 và cháu C Th Gi H, sinh ngày 19/4/2014.

Tài sản chung có 02 chiếc xe máy, 04 cánh cửa và 27 que gỗ khung ngoại.

Khoản vay chung: hai vợ chồng có một khoản vay chung do anh M vay chị chị thừa kế.

Ngày 15/5/2022 chị Ch viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa đi lại khó khăn không tham gia phiên tòa và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị Ch là hợp lệ và tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị Ch.

Căn cứ Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 18/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị Ch và anh M. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh M vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th Th K Ch và anh C X M đã đăng ký kết hôn ngày 04/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H hoàn toàn tự nguyện, bước đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không dàn xếp được, tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, chị Ch yêu cầu ly hôn, anh M có nguyện vọng đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét nguyện vọng ly hôn của chị Th Th K Ch với lý do tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Th Th K Ch ly hôn anh C X M.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C Th B, sinh ngày 29/10/2012 và cháu C Th Gi H, sinh ngày 19/4/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị Ch là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, còn cháu B giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của chị Ch là hợp lý nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Th Th K Ch được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th Gi H, sinh ngày 19/4/2014, giao cho anh C X M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th B, sinh ngày 29/10/2012.

[3] Về tài sản chung: Chị Ch kê khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M kê khai tài sản chung có 02 chiếc xe máy, 04 cánh cửa và 27 que gỗ khung ngoại nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tài sản đó có trên thực tế, mặt khác quá trình hòa giải cũng như các phiên tòa anh M cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[4] Khoản vay chung: Chị Ch kê khai không có khoản vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M kê khai có khoản nợ chung số tiền 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ vay tại đâu hoặc không làm đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để chứng minh khoản vay trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[5] Án phí: Chị Th Th K Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ch đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000566 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Ch đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th Th K Ch được ly hôn anh C X M.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Th Th K Ch được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th Gi H, sinh ngày 19/4/2014, giao cho anh C X M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C Th B, sinh ngày 29/10/2012. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng qua lại.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Th Th K Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ch đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000566 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị Ch đã nộp đủ án phí.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã M H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Trương Ngọc Nhân

2. Lê Minh Toàn

